

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 26/11/2016

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
1	Hoàng Thị Quế Anh	TAB01	30/10/1998	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,5	7,5	8,5	8,3	Giỏi	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	TAB02	08/3/1995	Lãng Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,5	6,5	6,0	7,4	Khá	
3	Bùi Thị Lan Anh	TAB03	14/12/1996	Xuân Giang - Quang Bình - Hà Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,0	8,5	7,0	2,0	6,4	Không đạt	
4	Trần Hải Việt Anh	TAB04	22/12/1997	Liên Bảo - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,5	7,0	6,0	7,5	Khá	
5	Phạm Thị Ngọc Anh	TAB05	18/6/1995	Hoảng Phụ - Hoảng Hóa - Thanh Hóa	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	6,0	1,0	5,6	Không đạt	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	TAB06	08/5/1995	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	7,0	4,0	6,6	Trung bình	
7	Hoàng Tuấn Anh	TAB07	07/10/1994	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang	-	-	-	5,5	7,0	5,5	3,0	5,3	Trung bình	
8	Phạm Thị Ngọc Ánh	TAB08	23/10/1996	Hồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,0	7,0	6,0	6,0	6,3	Trung bình	
9	Đỗ Ngọc Bích	TAB09	14/10/1997	Đức Thắng - Tiên Lữ - Hưng Yên	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,0	4,0	6,0	0,0	4,3	Không đạt	Bỏ nói
10	Nguyễn Văn Chiến	TAB10	22/6/1996	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	4,0	5,5	3,0	5,0	Trung bình	
11	Hoàng Minh Chiến	TAB11	03/3/1997	Cư Yên - Lương Sơn - Hòa Bình	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	6,5	8,5	4,0	6,0	6,3	Trung bình	Viết
12	Trịnh Thành Công	TAB12	26/8/1996	Yên Thế - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,5	7,5	7,0	8,0	7,3	Khá	
13	Trần Sĩ Cương	TAB13	18/01/1996	Mai Đình - Sóc Sơn - Hà Nội	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,5	8,0	7,0	1,0	5,6	Không đạt	
14	Hoàng Mạnh Cường	TAB14	05/01/1988	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	7,5	7,0	6,5	7,1	Khá	
15	Nguyễn Ngọc Cường	TAB15	03/7/1996	Đức Thượng - Hoài Đức - Hà Nội	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,0	9,5	6,5	7,5	7,6	Khá	
16	Nguyễn Thị Danh	TAB16	16/01/1996	Thạch Kênh - Thạch Hà - Hà Tĩnh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	4,0	8,5	6,0	6,0	6,1	Trung bình	
17	Nguyễn Thị Diễm	TAB17	20/7/1995	Đức Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	6,0	8,5	7,0	5,0	6,6	Trung bình	Nói

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
18	Triệu Thị Ngọc Diệp	TAB18	03/11/1995	Hồng Bàng - Hải Phòng	-	-	-	7,0	8,5	7,0	9,0	7,9	Khá	
19	Ngô Thùy Dung	TAB19	19/5/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình	
20	Vũ Thị Dung	TAB20	08/10/1996	Trí Yên - Yên Dũng - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	5,5	7,5	5,5	7,0	6,4	Trung bình	
21	Vương Khương Duy	TAB21	31/8/1995	Đại Mạch - Đông Anh - Hà Nội	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	5,5	7,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình	
22	Bùi Văn Duy	TAB22	06/6/1996	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,0	7,5	7,0	6,0	6,9	Trung bình	
23	Lê Đức Duy	TAB23	10/6/1995	Phú Định - Bồ Trách - Quảng Bình	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,5	6,0	6,0	7,3	Khá	
24	Trần Thị Duyên	TAB24	15/11/1996	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,0	9,5	6,0	8,5	8,0	Khá	
25	Trung Thị Duyên	TAB25	05/8/1996	Quảng Hưng - Quảng Uyên - Cao Bằng	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	5,0	9,0	6,5	5,0	6,4	Trung bình	
26	Đỗ Thùy Dương	TAB26	04/10/1995	Văn Tiến - Trấn Yên - Yên Bái	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,0	7,5	6,0	7,5	7,0	Khá	
27	Phạm Văn Đạt	TAB27	03/9/1996	TT. Nông Trường - Mộc Châu - Sơn La	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,5	7,0	6,0	7,5	Khá	
28	Nguyễn Tiến Đạt	TAB28	03/10/1996	P. Đáp Cầu - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	8,0	6,5	6,5	7,0	7,0	Khá	Nói
29	Phạm Văn Đô	TAB29	18/4/1996	Quốc Việt - Trảng Định - Lạng Sơn	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,5	6,0	4,0	5,8	Trung bình	Nói
30	Nguyễn Quang Đông	TAB30	21/4/1996	TX. Điện Biên - Lai Châu	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	8,5	8,5	6,5	6,5	7,5	Khá	
31	Phạm Đức Đông	TAB31	29/10/1994	Tân Phong - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	6,5	6,5	6,0	6,0	6,3	Trung bình	Nói
32	Trần Minh Đức	TAB32	20/11/1996	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,0	9,5	6,5	1,0	5,8	Không đạt	
33	Đoàn Anh Đức	TAB33	09/4/1989	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,5	8,5	6,5	6,5	7,0	Khá	
34	Lê Hoàng Giang	TAB34	08/12/1995	Gia Sinh - Gia Viễn - Ninh Bình	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	5,5	9,5	4,0	5,0	6,0	Trung bình	
35	Vũ Thị Hà	TAB35	08/7/1996	Quang Lăng - Phú Xuyên - Hà Nội	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,0	8,0	6,0	0,0	5,3	Không đạt	Bỏ nói
36	Lê Thị Thu Hà	TAB36	09/4/1996	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	-	-	-	5,5	9,0	3,5	6,0	6,0	Trung bình	
37	Trần Thị Hà	TAB37	14/4/1995	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang	-	-	-	7,5	9,0	3,0	6,0	6,4	Trung bình	
38	Nguyễn Gia Hải	TAB38	04/5/1996	P. Suối Hoa - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	2,5	6,5	6,1	Không đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
39	Lưu Thị Hải	TAB39	29/01/1997	Vân Nham - Hữu Lũng - Lạng Sơn	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	7,5	7,0	6,5	7,0	Khá	
40	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TAB40	25/9/1996	TT. Nông Trường - Mộc Châu - Sơn La	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,0	7,0	7,5	7,5	Khá	
41	Nguyễn Thị Hạnh	TAB41	18/9/1996	Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,5	9,0	6,0	7,5	7,8	Khá	
42	Tô Thị Hồng Hạnh	TAB42	24/12/1996	Đông Yên - Quốc Oai - Hà Nội	-	-	-	7,0	9,0	4,0	4,0	6,0	Trung bình	
43	Tần Thị Hằng	TAB43	12/01/1998	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,0	7,0	6,5	1,0	5,6	Không đạt	
44	Nguyễn Thu Hằng	TAB44	23/7/1995	Tân Yên - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,0	6,5	1,0	5,8	Không đạt	
45	Lê Thị Thu Hằng	TAB45	10/11/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,5	9,0	6,0	7,0	7,6	Khá	
46	Phùng Minh Hiền	TAB46	28/7/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	9,0	9,0	6,0	6,0	7,5	Khá	
47	Nguyễn Thị Hiền	TAB47	05/01/1996	Thanh Luận - Sơn Động - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	6,5	7,0	7,5	Khá	Nói
48	Nguyễn Văn Hiếu	TAB48	07/7/1995	Tam Đa - Yên Phong - Bắc Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,0	8,0	6,0	6,0	7,0	Khá	
49	Ngô Duy Hiệp	TAB49	30/10/1996	P. Minh Khai - TP. Hà Giang - Hà Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,5	6,0	7,5	7,4	Khá	
50	Hoàng Thái Hoàn	TAB50	08/9/1986	Hữu Lũng - Lạng Sơn	-	-	-	7,0	7,5	4,0	5,0	5,9	Trung bình	
51	Nguyễn Văn Hoàng	TAB51	05/8/1983	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,0	7,5	7,5	6,5	7,1	Khá	
52	Phùng Thái Hòa	TAB52	17/11/1996	P. Năng Tĩnh - TP. Nam Định	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,0	9,5	7,0	6,0	7,1	Khá	
53	Nguyễn Mạnh Hổ	TAB53	13/8/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	7,5	8,5	5,0	6,0	6,8	Trung bình	Viết
54	Trần Thanh Huệ	TAB54	15/11/96	Trường Thịnh - Ứng Hòa - Hà Nội	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,0	9,0	7,0	6,0	7,5	Khá	
55	Lê Phạm Huy	TAB55	15/5/1995	Bình Minh - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	7,5	6,0	7,3	Khá	
56	Cung Quang Huy	TAB56	29/6/1995	Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,5	6,0	8,0	7,8	Khá	
57	Ngô Trí Huy	TAB57	18/8/1995	P. Mỹ Độ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB13	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	7,5	6,0	7,5	Khá	Viết
58	Bùi Quang Huy	TAB58	13/01/1996	Hồng Nam - TP. Hưng Yên - Hưng Yên	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,0	6,5	5,0	7,0	Trung bình	
59	Lê Văn Huy	TAB59	25/9/1996	P. Trần Phú - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB10	24/02/2016	24/5/2016	9,0	9,0	6,0	6,0	7,5	Khá	Nói

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
60	Vũ Ngọc Huy	TAB60	16/11/1996	Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	7,0	9,5	6,0	8,5	7,8	Khá	
61	Đặng Thị Khánh Huyền	TAB61	10/6/1995	Trần Phú - Chương Mỹ - Hà Nội	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,5	9,0	6,0	6,0	7,4	Khá	
62	Nguyễn Thị Thu Huyền	TAB62	14/8/1995	Hiệp Hòa - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,0	8,5	7,0	6,0	7,4	Khá	
63	Nguyễn Thị Thu Huyền	TAB63	26/6/1995	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	6,5	7,5	7,5	6,5	7,0	Khá	Nghe + Viết
64	Ngô Thanh Huyền	TAB64	10/10/1997	Đồng Tân - Ứng Hòa - Hà Nội	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	6,5	9,5	7,0	7,5	7,6	Khá	
65	Nguyễn Ngọc Huyền	TAB65	19/8/1995	Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	6,5	9,5	7,0	7,0	7,5	Khá	
66	Đoàn Mạnh Hùng	TAB66	17/4/1995	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	TAB12	24/02/2016	24/5/2016	7,5	9,0	7,0	6,0	7,4	Khá	Nói
67	Trần Duy Hưng	TAB67	16/3/1996	Lĩnh Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,5	5,5	5,0	6,9	Trung bình	
68	Vy Văn Hưng	TAB68	05/12/1992	Thanh Lâm - Ba Chẽ - Quảng Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,0	8,5	5,5	5,0	6,3	Trung bình	
69	Nguyễn Quốc Hưng	TAB69	25/11/1996	Yên Thái - Yên Mô - Ninh Bình	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	6,5	5,0	3,5	6,0	5,3	Trung bình	
70	Hà Văn Hưng	TAB70	18/4/1995	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	-	-	-	5,5	7,5	6,0	3,0	5,5	Trung bình	
71	Dương Thị Hương	TAB71	08/02/1995	Ngọc Châu - Tân Yên - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,5	6,0	6,0	7,3	Khá	
72	Phạm Cường Hưởng	TAB72	17/5/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,0	9,0	5,0	5,0	6,8	Trung bình	
73	Trần Quốc Khánh	TAB73	24/3/1995	Sông Mã - Sơn La	-	-	-	5,5	8,0	4,5	1,0	4,8	Không đạt	
74	Triệu Bằng Khê	TAB74	03/9/1996	Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	3,5	8,5	6,0	5,0	5,8	Trung bình	Nghe + Nói
75	Nguyễn Văn Khoa	TAB75	08/5/1996	Phong Minh - Lục Nam - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,0	4,5	5,0	6,5	Trung bình	
76	Trần Đặng Duy Khương	TAB76	06/11/1996	TT. Cát Hải - Cát Hải - Hải Phòng	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,0	6,5	6,0	7,0	Khá	
77	Phản Tiến Kiên	TAB77	19/10/1996	Tân Lập - Bắc Quang - Hà Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,5	6,0	6,0	7,3	Khá	
78	Nông Thị Phương Lan	TAB78	16/5/1996	Bằng Lang - Bắc Quang - Hà Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,0	8,5	6,0	6,0	7,1	Khá	
79	Nguyễn Thị Lan	TAB79	07/9/1996	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	7,5	8,5	4,0	6,0	6,5	Trung bình	
80	Nguyễn Thị Liên	TAB80	11/10/1996	Việt Hùng - Quế Võ - Bắc Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	5,0	8,5	6,0	7,0	6,6	Trung bình	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
81	Phạm Thị Mỹ Linh	TAB81	29/12/1998	Việt Hồng - Thanh Hà - Hải Dương	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	6,5	6,0	7,0	Khá	
82	Vy Thùy Linh	TAB82	10/5/1996	P. Chi Lăng - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	9,5	6,0	6,0	7,3	Khá	
83	Trương Mỹ Linh	TAB83	25/7/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,5	7,0	7,0	7,4	Khá	
84	Nguyễn Thùy Linh	TAB84	10/8/1996	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	9,5	7,0	6,0	7,8	Khá	
85	Dương Thị Mỹ Linh	TAB85	06/12/1997	TT. Hàng Trạm - Yên Thủy - Hòa Bình	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	8,0	8,5	7,0	6,0	7,4	Khá	Nói + Viết
86	Nguyễn Huyền Linh	TAB86	05/9/1995	Bồ Sơn - Võ Cường - Bắc Ninh	-	-	-	8,0	6,5	7,5	5,0	6,8	Trung bình	
87	Trần Thị Luyện	TAB87	27/01/1995	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,0	7,5	7,5	6,5	7,1	Khá	
88	Chu Thị Hiền Lương	TAB88	21/6/1996	Đề Thám - Trảng Định - Lạng Sơn	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,0	7,5	6,0	7,3	Khá	
89	Lê Công Minh	TAB89	30/6/1995	Quỳnh Lộc - TX. Hoàng Mai - Nghệ An	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	9,0	6,5	7,0	6,0	7,1	Khá	Nói
90	Trần Thị Mỹ	TAB90	01/11/1996	Đồng Việt - Yên Dũng - Bắc Giang	-	-	-	7,5	7,0	7,0	6,0	6,9	Trung bình	
91	Đoàn Phương Nam	TAB91	19/7/1998	P. Tam Thanh - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,5	7,5	6,5	6,5	7,0	Khá	
92	Giáp Phương Nam	TAB92	06/7/1996	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	6,5	7,5	5,5	6,0	6,4	Trung bình	
93	Ngô Hoàng Nam	TAB93	16/10/1993	P. Hà Khánh - TP. Hạ Long - Quảng Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,5	6,0	6,0	7,0	Khá	
94	Đỗ Hương Nam	TAB94	27/6/1995	Văn Tiến - TP. Yên Bái - Yên Bái	-	-	-	6,5	6,5	6,0	4,0	5,8	Trung bình	Nói + Đọc
95	Hà Ngọc Nam	TAB95	01/8/1995	Liễu Đề - Nghĩa Hưng - Nam Định	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	7,5	6,0	1,0	5,5	5,0	Không đạt	
96	Trịnh Thị Minh Nga	TAB96	19/9/1996	Ngọc Châu - Tân Yên - Bắc Giang	-	12/9/2015	12/01/2016	8,5	6,0	5,0	6,0	6,4	Trung bình	
97	Nguyễn Trọng Nghĩa	TAB97	10/10/1996	Yên Tân - Ý Yên - Nam Định	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,0	7,5	6,0	7,1	Khá	
98	Ngô Thị Bảo Ngọc	TAB98	13/02/1996	Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	7,0	8,0	6,0	7,0	7,0	Khá	
99	Nông Thị Ngọc	TAB99	22/11/1996	Mai Sơn - Lục Yên - Yên Bái	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	5,0	7,0	5,0	6,0	5,8	Trung bình	
100	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	TAB100	03/11/1996	Việt Hùng - Quế Võ - Bắc Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	5,5	5,0	6,0	7,0	5,9	Trung bình	
101	Hoàng Đức Ngọc	TAB101	11/11/1996	Xuân Lương - Yên Thế - Bắc Giang	-	-	-	3,0	5,0	1,5	2,0	2,8	Không đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
102	Đinh Thị Nhài	TAB102	19/7/1996	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	-	-	-	2,0	7,5	6,0	6,0	5,4	Không đạt	
103	Nguyễn Thị Nhung	TAB103	09/10/1995	Đông Cao - Phổ Yên - Thái Nguyên	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	7,5	8,5	6,5	6,0	7,1	Khá	Nói
104	Đồng Thị Nhung	TAB104	21/01/1995	Văn Đức - Chí Linh - Hải Dương	-	-	-	6,0	9,5	7,5	8,5	7,9	Khá	
105	Lê Hoàng Thu Phương	TAB105	06/7/1993	Thọ Vực - Triệu Sơn - Thanh Hóa	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	6,0	7,5	7,0	7,3	Khá	
106	Nông Văn Phương	TAB106	23/02/1995	An Lập - Sơn Động - Bắc Giang	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	6,0	7,5	5,5	4,0	5,8	Trung bình	Đọc + Nói + Viết
107	Nguyễn Ngọc Sơn	TAB107	20/10/1996	Lương Mông - Ba Chẽ - Quảng Ninh	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,5	6,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình	
108	An Xuân Sung	TAB108	12/3/1996	Hương Lâm - Hiệp Hòa - Bắc Giang	-	-	-	6,0	7,0	1,0	1,0	3,8	Không đạt	
109	Nguyễn Thị Minh Tâm	TAB109	20/12/1996	Xuân Lâm - Thuận Thành - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,0	8,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình	
110	Đỗ Thị Thanh	TAB110	23/4/1995	TT. Hồ - Thuận Thành - Bắc Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	6,5	7,5	1,0	7,0	5,5	Không đạt	
111	Mạc Thị Thanh	TAB111	06/6/1976	Tuyên Quang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	5,5	6,0	5,0	5,0	5,4	Trung bình	
112	Lương Thị Minh Thanh	TAB112	19/8/1993	Lưỡng Vượng - TP. Tuyên Quang - Tuyên Quang	TAB11	24/02/2016	24/5/2016	6,0	8,5	6,5	7,0	7,0	Khá	Nghe
113	Nguyễn Xuân Thành	TAB113	06/5/1995	Bình Kiều - Khoái Châu - Hưng Yên	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,0	7,5	3,5	4,0	5,8	Trung bình	
114	Trương Bích Thảo	TAB114	07/9/1996	Lục Nam - Bắc Giang	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	5,5	8,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình	
115	Nguyễn Thị Thu Thảo	TAB115	22/11/1996	Hà Tân - Hà Trung - Thanh Hóa	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,0	8,5	6,5	7,5	7,1	Khá	
116	Đặng Thị Thanh Thảo	TAB116	28/8/1996	Hưng Hà - Thái Bình	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	6,0	7,5	6,0	1,0	5,1	Không đạt	
117	Bùi Quốc Thắng	TAB117	11/4/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	-	-	-	8,0	8,0	6,0	1,0	5,8	Không đạt	
118	Nguyễn Thị Thêm	TAB118	02/6/1996	Xuân Hương - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	7,5	8,5	7,0	6,0	7,3	Khá	Nói
119	Nguyễn Huy Thiệp	TAB119	10/9/1992	Viêm Xá - Hòa Long - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,5	8,0	5,0	6,0	6,9	Trung bình	
120	Bùi Đình Thọ	TAB120	12/11/1987	Đông Triều - Quảng Ninh	TAB18	10/9/2016	20/11/2016	8,5	9,0	5,0	5,0	6,9	Trung bình	
121	Phạm Thị Thu	TAB121	03/11/1996	Hiên Vân - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	8,0	6,5	6,0	7,0	Khá	
122	Trần Thị Minh Thúy	TAB122	14/01/1996	TX. Tam Điệp - Ninh Bình	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	2,5	7,0	6,0	8,0	5,9	Không đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp TT	Khóa học		Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
						Từ	Đến							
123	Vũ Hồng Thúy	TAB123	01/8/1995	Phố Ràng - Bảo Yên - Lào Cai	TAB7	12/9/2015	12/01/2016	6,5	8,5	6,0	4,0	6,3	Trung bình	Nói
124	Nguyễn Thanh Tiến	TAB124	05/01/1996	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,0	7,5	3,0	5,0	5,4	Trung bình	
125	Nguyễn Văn Tình	TAB125	05/9/1996	P. Thọ Xương - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	9,0	7,5	6,0	6,0	7,1	Khá	Nói
126	Nguyễn Văn Tính	TAB126	27/01/1996	P. Hoàng Văn Thụ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	6,5	8,5	5,0	5,0	6,3	Trung bình	
127	Từ Thị Huyền Trang	TAB127	06/10/1996	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	7,5	7,5	6,5	6,5	7,0	Khá	
128	Trần Hà Trang	TAB128	17/6/1995	Đức Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	TAB14	16/7/2016	26/8/2016	6,5	8,5	7,0	6,0	7,0	Khá	Nói
129	Nguyễn Xuân Tuấn	TAB129	21/4/1996	Đông Sơn - Chương Mỹ - Hà Nội	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	6,0	7,0	6,0	7,5	6,6	Trung bình	
130	Nguyễn Đình Tuấn	TAB130	04/11/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	8,0	7,0	3,5	5,0	5,9	Trung bình	
131	Hoàng Thị Uyên	TAB131	21/8/1996	Đông Phú - Lục Nam - Bắc Giang	TAB15	16/7/2016	26/8/2016	8,5	8,5	7,0	6,0	7,5	Khá	Nói + Viết
132	Đinh Hồng Vân	TAB132	12/4/1998	Xuân Nộn - Đông Anh - Hà Nội	TAB19	10/9/2016	20/11/2016	1,0	4,0	0,0	1,0	1,5	Không đạt	
133	Nguyễn Thị Thu Vân	TAB133	26/7/1996	TP. Hồ Chí Minh	TAB17	10/9/2016	20/11/2016	4,5	8,0	6,0	6,0	6,1	Trung bình	
134	Chu Thị Kiều Vân	TAB134	21/6/1996	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	TAB9	12/9/2015	12/01/2016	7,0	8,5	6,0	8,0	7,4	Khá	Nói

Tổng số thí sinh theo danh sách: 134

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 19

Số thí sinh đạt yêu cầu: 115

Trong đó:

Loại Giỏi 1

Loại Khá 63

Loại Trung bình 51

Bắc Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra

Thư ký Hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền

Ngô Văn Kiên